

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 13/11/2019.

*V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng.

2. Ông Võ Lâm Sơn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Ngô Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 531/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 486/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Ngọc T – sinh năm 1973. Cư trú: Ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị R – sinh năm 1979. Cư trú: Ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng ông Võ Ngọc T trình bày: Ông và bà R quen biết và sống chung với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống với nhau được 12 năm thì đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn do vợ có người đàn ông khác bên ngoài, cho nên từ năm 2013 vợ chồng ly thân cho đến nay, nhận thấy tình trạng hôn nhân không thể tiếp tục

chung sống, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với vợ là Phạm Thị R .

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Ngọc T , sinh ngày 16/3/2002; Võ Thị N, sinh ngày 06/3/2003, hiện đang sống cùng với bà R, khi ly hôn ông T đồng ý để bà R tiếp tục nuôi con, đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Phạm Thị R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bà R không đến, không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với bà Phạm Thị R được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Về giải quyết vụ án, hôn nhân giữa ông Võ Ngọc T và bà Phạm Thị R là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn. Vợ chồng mâu thuẫn và có thời gian dài và không còn chung sống, nên vợ chồng không thể hàn gắn, bà R đang nuôi con, nhưng bà R không có ý kiến về việc đơn khởi kiện của ông T, do đó yêu cầu ly hôn, và nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về thủ tục tố tụng*: Ông Võ Ngọc T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị R, bà R có nơi cư trú tại ấp Ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Phạm Thị R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2].*Về nội dung*

[2.1].*Về quan hệ hôn nhân*: Ông Võ Ngọc T và bà Phạm Thị R chung sống với nhau vào năm 1999 có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của ông bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét tình trạng hôn nhân của ông bà thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân theo ông T trình bày do bà R bỏ đi chung sống với người đàn ông khác nên từ năm 2013 thì không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến nhau. Qua xác minh tại địa phương cũng nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn và không còn sống chung nhau. Cho thấy hôn nhân của vợ chồng ông T và bà R đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nghị nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Ngọc T.

[2.2].*Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Ngọc T1 , sinh ngày 16/3/2002; Võ Thị N, sinh ngày 06/3/2003, hiện đang sống cùng với bà R, khi ly hôn ông đồng ý để bà R tiếp tục nuôi con, đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định pháp luật. Hiện bà R vẫn nuôi hai con cuộc sống ổn định, do bà R không đến Tòa án và cũng không dẫn các con chung đến Tòa nay nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của con chung. Căn cứ Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nghĩ nên tiếp tục giao cháu T1 và cháu N cho bà R nuôi dưỡng. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu là 700.000đ, hai cháu là 1.400.000đ/tháng.

Bà Phạm Thị R cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Võ Ngọc T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3].*Về tài sản*: Không yêu cầu giải quyết.

[2.4].*Về nợ chung*: Ghi nhận ông Võ Ngọc T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[2.5]*Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông Võ Ngọc T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 273, điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Ngọc T xin ly hôn bà Phạm Thị R .

Giấy chứng nhận kết hôn số 125 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 21/8/2008 không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị R được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Ngọc T1 , sinh ngày 16/3/2002; Võ Thị N, sinh ngày 06/3/2003, Ông Võ Ngọc T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu là 700.000đ, hai cháu là 1.400.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Bà Phạm Thị R cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Võ Ngọc T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận ông Võ Ngọc T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Ông Võ Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0013164 ngày 12/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới. Ông T phải nộp tiếp là 300.000 đồng.

Báo cho ông T biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Phạm Thị R có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thanh Bình